

Số: 15/2025/QĐST-HNGĐ

Văn Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN.

Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 19/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

Chị **Phạm Thị L**, Sinh năm: 1991

Và anh **Chu Nguyên Đạt S**, Sinh năm: 1989

Cùng Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Chu Ngọc H, sinh ngày 24/11/2013

Cháu Chu Gia B, sinh ngày 16/9/2017

Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật của cháu H và cháu B là bố đẻ cháu: Anh Chu Nguyên Đạt S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]: Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Chu Nguyên Đạt S đã đăng ký kết hôn lần đầu vào năm 2010, chung sống với nhau được đến năm 2015 thì ly hôn. Sau một thời gian được gia đình động viên, hòa giải và nhận thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau nên anh chị quyết định đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên ngày 18/7/2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi quay về chung sống cùng nhau, vợ chồng hạnh phúc bình thường được khoảng 05 năm. Đến giữa năm 2023 anh chị lại bắt đầu nảy sinh rất nhiều

bất đồng về quan điểm làm kinh tế và cách sinh hoạt, ứng xử. Càng ngày mâu thuẫn càng trầm trọng, anh chị ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Nay chị L, anh S đều xác định không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm gì đến nhau, không muốn đoàn tụ và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy vợ chồng chị L, anh S đều xác định không còn tình cảm gì với nhau, vợ chồng ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ anh chị chung sống không có hạnh phúc, hôn nhân trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh chị có căn cứ phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị L và anh S.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Chu Nguyên Đạt S cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Chu Ngọc H, sinh ngày 24/11/2013 và cháu Chu Gia B, sinh ngày 16/9/2017.

Nay ly hôn, chị L và anh S cùng thống nhất thỏa thuận:

Anh S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chu Ngọc H và cháu Chu Gia B đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: chị L và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn của chị L và anh S là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên, phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất ruộng nông nghiệp: Chị Phạm Thị L và anh Chu Nguyên Đạt S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị L và anh S thỏa thuận thống nhất để chị L nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật nên sẽ chấp nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** chị Phạm Thị L và anh Chu Nguyên Đạt S đều thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị L và anh S cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Chu Ngọc H, sinh ngày 24/11/2013 và cháu Chu Gia B, sinh ngày 16/9/2017. Nay ly hôn, chị L và anh S cùng thỏa thuận thống nhất: Anh S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chu Ngọc H và cháu Chu Gia B đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị L và anh S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về tài sản chung và nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức:** Chị Phạm Thị L và anh Chu Nguyên Đạt S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận để chị L nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003102 ngày 11/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Chị L đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Văn Giang;
- UBND xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên;
- (ĐKKH số 43 ngày 18/07/2017)
- THADS huyện Văn Giang;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Hoàng Lâm